

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 4 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 16/4/2019 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 42/TB-TA ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ X, sinh năm 1993; nơi cư trú: số 866, ấp T, xã G, huyện H, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 14, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Văn B - Luật sư Văn phòng luật sư Châu Đốc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Bà X, ông Ph và Luật sư Phan Văn B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ X trình bày:

Vào năm 2015 do mai mối nên nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang. Do mâu thuẫn với mẹ chồng nên sau đó nguyên đơn và bị đơn về chung sống tại số 866, ấp T, xã G, huyện H, thành phố Cần Thơ. Vào tháng 6 năm 2018, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và bị đơn ghen tuông có đánh nguyên đơn 03 lần. Khoảng đầu năm 2019 đến nay, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2016. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung và con chung. Nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn vào năm 2015 do nguyên đơn nhắn tin với người khác nên bị đơn có đánh nguyên đơn 01 lần. Khoảng 02 năm sau (năm 2017) nguyên đơn đi đám giỗ trong người có rượu về đánh con nên bị đơn có đánh nguyên đơn 01 lần. Khoảng tháng 10 – 11 năm 2018, nguyên đơn bỏ nhà đi nên gia đình tìm kiếm, khi nguyên đơn về thì cha vợ và bị đơn có đánh nguyên đơn, sự việc mâu thuẫn của vợ chồng đều phát sinh tại số nhà số 866, ấp T, xã G, huyện H, thành phố Cần Thơ và có gia đình bên vợ chứng kiến. Khoảng 02 hoặc 03 ngày sau (kể từ mừng 02 Tết năm 2019) bị đơn và nguyên đơn không còn sống chung. Bị đơn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc, không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bị đơn có nguyện vọng nuôi dạy con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn thống nhất ý kiến nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trong đơn khởi kiện và đã trình bày trong quá trình tố tụng.

Bị đơn không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn đồng ý để con chung cho nguyên đơn nuôi dạy do con còn nhỏ, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời bị đơn cũng cho biết, trước ngày Tòa án mở phiên tòa, nguyên đơn có mong muốn được đoàn tụ với bị đơn, cụ thể nguyên đơn có hỏi xin bị đơn 10.000.000 đồng và có nói là sẽ rút lại đơn khởi kiện, bị đơn có đưa cho nguyên đơn 10.000.000 đồng. Đối với số tiền bị đơn đưa cho nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Phan Văn B trình bày: Mâu thuẫn phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là không trầm trọng, bản thân bị đơn rất yêu thương vợ con, bằng chứng là bị đơn đã chấp nhận về chung sống với nguyên đơn tại địa chỉ mà nguyên đơn cư trú. Đồng thời, khi nguyên đơn hỏi xin bị đơn số tiền 10.000.000 đồng để mua xe làm phương tiện đi lại, bị đơn đã đồng ý ngay và đưa tiền cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bị đơn thêm cơ hội và thời gian để có thể hàn gắn mâu thuẫn gia đình.

Ý kiến trong phần tranh luận, nguyên đơn thừa nhận có hỏi xin bị đơn 10.000.000 đồng như bị đơn trình bày nhưng sau khi bị đơn đưa tiền thì vài ngày sau bị đơn đã gọi điện đòi lại và nguyên đơn có nói là sẽ trả lại số tiền này cho bị đơn. Về việc bị đơn về sống chung với nguyên đơn là do bị đơn cũng có mâu thuẫn với mẹ ruột của bị đơn nên bị đơn mới về sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn giữ yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật tố tụng dân sự).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng bị đơn không chăm lo cho vợ con, vì những nghi ngờ vô cớ bị đơn nhiều lần thực hiện hành vi bạo lực gia đình làm cho gia đình lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà X và ông Ph có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2016 hiện do cha mẹ Bà X trực tiếp nuôi dạy, bà X có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Ông Ph cũng đồng ý giao con chung cho bà X nuôi dạy. Do đó, xét đề nghị công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên tòa ông Ph khai có đưa cho bà X, bà X cũng thừa nhận. Tuy nhiên, do ông Ph không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ; giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 02, ngày 22 tháng 07 năm 2016 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống, bị đơn thừa nhận có vài lần bị đơn có hành vi bạo lực gia đình (đánh nguyên đơn) sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống cũng như kinh tế gia đình và từ đó đã dẫn đến việc nguyên đơn bỏ nhà đi, vợ chồng không còn sống chung từ sau ngày mừng 02 tết Nguyên Đán năm 2019 đến nay.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2016. Tại phiên tòa, bị đơn có ý kiến đồng ý để nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy con chung do con còn nhỏ. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Xét, cháu Kh tại thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi, sự thống nhất giữa nguyên đơn, bị đơn về người trực tiếp nuôi dạy con chung là phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kh cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dạy, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bị đơn đã đưa cho nguyên đơn và nguyên đơn thừa nhận, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Ph không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Mỹ X được ly hôn ông Nguyễn Thanh Ph.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2016. Ông Nguyễn Thanh Ph không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Đặng Thị Mỹ X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0007815 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà X đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh Ph không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà X, ông Ph có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm